TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/06/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân**:*** 1. Ông Nguyễn Hưng

2. Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk lắk: không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2019 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

****/ Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 71 L Th K, phường Th L, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk. (có mặt)

****/ Bị đơn***: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 62 L Th K, phường Th L, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Tr và anh Bùi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND phường Th L, TP B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh T không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù chị Tr đã nhiều lần chịu đựng mong anh T thay đổi để chăm lo cho con cái nhưng không có kết quả. Chị Nguyễn Thị Bích Tr và anh Bùi Văn T đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị Tr xét thấy cuộc sống không hạnh phúc nên mong tòa giải quyết cho được ly hôn ông T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích Tr và anh Bùi Văn T có 03 con chung là cháu Bùi Ngọc Minh Ch – sinh năm 2012, cháu Bùi Trọng Ng – sinh năm 2015, cháu Bùi Đăng Kh – sinh năm 2017. Hiện nay chị Tr đang nuôi dưỡng các cháu, khi ly hôn chị Tr xin tiếp tục được nuôi dưỡng cả 3 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng như sau:

- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Ngọc Minh Ch là 1.000.000 đồng/tháng.
- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Trọng Ng là 1.000.000 đồng/tháng.
- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Đăng Kh là 1.000.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng: Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Bùi Ngọc Minh Ch, cháu Bùi Trọng Ng, cháu Bùi Đăng Kh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh Bùi Văn T nhưng anh T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tại đơn trình bày của anh T gửi đến Tòa án ngày 17/5/2019 anh T trình bày hiện nay anh T đang bị bệnh sơ gan và lao phổi đồng thời công việc làm ăn của anh T liên tục thua lỗ nên anh T có lơ là trong việc quan tâm đến vợ con nhưng bản thân anh T không muốn gia đình ly tán, anh T vẫn còn yêu thương vợ con và muốn cùng vợ chăm sóc con cái nên anh T không đồng ý ly hôn. Ngoài ra anh T còn có ý kiến xin giảm mức cấp dưỡng nuôi con vì hoàn cảnh kinh tế hiện nay của anh T không đủ khả năng đáp ứng theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Tr.

Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Tr và anh T cư trú thì chính quyền địa phương cho biết chị Nguyễn Thị Bích Tr và anh Bùi Văn T có quan hệ vợ chồng và sinh sống tại địa phương, quá trình sinh sống giữa chị Tr và anh T có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được do không có ai có đơn từ gì gửi đến chính quyền địa phương, nhưng thời gian gần đây chị Tr có đến tổ dân phố trình bày nguyện vọng là xin được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa và đã ly thân hơn 1 năm này, hiện nay một mình chị Tr phải nuôi 3 con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút, bổ sung, thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện mà vẫn giữ nguyên yêu cầu và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Tr yêu cầu xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Bùi Văn T, nơi cư trú: 62 L Th K, phường Th L, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Ly hôn và nuôi con", đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh Bùi Văn T tại nơi cư trú nhưng anh T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai chị Tr cũng không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Tr và anh Bùi Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình

duy trì quan hệ hôn nhân chị Tr và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh T không có trách nhiệm với gia đình, hiện nay chị Tr không còn tình cảm gì với anh T nữa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh T thì địa phương không nắm được do không ai có đơn từ gì gửi đến chính quyền địa phương, nhưng thời gian gần đây chị Tr có đến tổ dân phố trình bày nguyện vọng là xin được ly hôn anh T vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa và đã ly thân hơn 1 năm này, hiện nay một mình chị phải nuôi 3 con chung. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

……..

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Bùi Ngọc Minh Ch – sinh năm 2012, cháu Bùi Trọng Ng – sinh năm 2015, cháu Bùi Đăng Kh – sinh năm 2017. Hiện nay chị Tr đang nuôi dưỡng các cháu, khi ly hôn chị Tr xin tiếp tục được nuôi dưỡng cả 3 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng như sau:

- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Ngọc Minh Ch là 1.000.000 đồng/tháng.
- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Trọng Ng là 1.000.000 đồng/tháng.
- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Đăng Kh là 1.000.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng: Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Bùi Ngọc Minh Ch, cháu Bùi Trọng Ng, cháu Bùi Đăng Kh đủ 18 tuổi.

Anh T có đơn xin giảm mức cấp dưỡng nhưng không có ý kiến về việc xin nuôi dưỡng con chung nên cần giao 03 con chung là cháu Bùi Ngọc Minh Ch – sinh năm 2012, cháu Bùi Trọng Ng – sinh năm 2015, cháu Bùi Đăng Kh – sinh năm 2017 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng như sau:

- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Ngọc Minh Ch là 1.000.000 đồng/tháng.
- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Trọng Ngh là 1.000.000 đồng/tháng.
- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Đăng Kh là 1.000.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng: Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Bùi Ngọc Minh Ch, cháu Bùi Trọng Ng, cháu Bùi Đăng Kh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Tr.

Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Nguyễn Thị Bích Tr được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Bùi Ngọc Minh Ch – sinh năm 2012, cháu Bùi Trọng Ng – sinh năm 2015, cháu Bùi Đăng Kh – sinh năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Bích Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng như sau:

- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Ngọc Minh Ch là 1.000.000 đồng/tháng.
- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Trọng Ng là 1.000.000 đồng/tháng.
- Cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Đăng Kh là 1.000.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng: Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Bùi Ngọc Minh Ch, cháu Bùi Trọng Ng, cháu Bùi Đăng Kh đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lại thu số AA/2017/0011912 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn anh Bùi Văn T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P.Thắng Lợi, TP BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Vũ Văn Tú